HỒ SƠ NGHIÊN CỨU / NHÀ BA GIAN BẮC BỘ

Từ loại hình đến cấu tạo có thể đối chiếu.

Phương án ba gian không chái, khung loại II tham khảo nghiên cứu nhà dân gian Bắc Ninh; hai hàng cột cái, cột quân trước/sau, cột hiên. Cấu tạo phía trên câu đầu chọn rường chồng giản lược. Không sao chép một công trình cụ thể.

Ba mức thông tin

THAM KHẢO: đặc điểm đọc từ tài liệu. DIỄN GIẢI: lựa chọn cách áp dụng. THIẾT LẬP: kích thước và chi tiết do biên soạn, chưa kiểm chứng.

Phạm vi sử dụng

Dùng để trao đổi cấu trúc hồ sơ, cách đọc kiến trúc và nguyên lý liên kết. Không thay thế đo vẽ, tính toán chịu lực, hồ sơ thi công hay hồ sơ tu bổ.

Các phần chưa xác minh

Không có địa chỉ, niên đại, khảo sát, loại gỗ, tải trọng, địa chất hoặc người thẩm tra. Ngày 28/09/2026 là ngày biên tập.

Cách đọc nhanh

KT01-06: không gian và hình học. KC01-02: định danh bộ khung. CT01-04: cấu tạo tại tỷ lệ lớn. AX01: tháo rời. DL01: thống kê và kiểm tra.

HS00	Bìa và hướng dẫn
HS01	Căn cứ, thông số và thuật ngữ
KT01	Mặt bằng kiến trúc
KT02	Mặt bằng mái
KT03	Mặt đứng chính và hậu
KT04	Hai mặt đứng hồi
KT05	Hai mặt cắt ngang
KT06	Mặt cắt dọc
KC01	Định vị cột và bộ vì
KC02	Bộ vì loại II - phương án diễn giải
CT01	Nút mộng J01 - lắp và tháo rời
CT02	Chân tảng, hiên và bậc
CT03	Phân lớp mái
CT04	Cửa bức bàn và thống kê
AX01	Bộ vì tháo rời
DL01	Thống kê, nguồn và kiểm tra

Hồ sơ độc lập được dựng mới, không tái bản bản vẽ của tác giả nguồn. Không gán nhãn đã thẩm tra hoặc đã thi công.

CĂN CỨ / THÔNG SỐ / QUY ƯỚC

BỐI CẢNH LOẠI HÌNH

Tham khảo | S01 Fig.2 p.269

Chọn nguyên tắc khung loại II ở Bắc Ninh, không trộn loại bỏ cột cái với loại giữ đủ cột.

BA GIAN, KHÔNG CHÁI

Thiết lập | Lựa chọn biên soạn

Các nhịp 2700 + 3000 + 2700 mm; không có buồng chái; không gán niên đại.

NĂM HÀNG CỘT, HIÊN

Diễn giải | S01 Fig.1 p.268

Hàng H-QT-CT-CS-QS tại 0 / 1400 / 2600 / 4800 / 6000 mm. Áp dụng nhịp đều theo chiều dọc cho mô hình.

HỆ MÁI

Diễn giải | S01 Fig.1 p.268

Rường chồng giản lược; kẻ đỡ mái bên; hoành - rui bản - hai lớp ngói quy ước. Không thêm mè khi phương án dùng rui bản theo nguồn.

MỘNG CT01

Thiết lập | S02 Fig.2, Table 4

Lỗ thả hở đỉnh, phần khóa dạng đuôi én đứng. Dựng mới để giải thích hướng lắp, chưa kiểm chứng gia công.

MÓNG, ĐẤT, VẬT LIỆU

Chưa xác minh | Chưa có dữ liệu

Chỉ biểu diễn chân tảng và nền; không thiết kế móng ngầm, chọn cấp gỗ hoặc công bố chịu lực.

Nét cắt

Nét thấy

Nét trục / tham chiếu

Hatch xây / đá quy ước

Thông số thiết lập

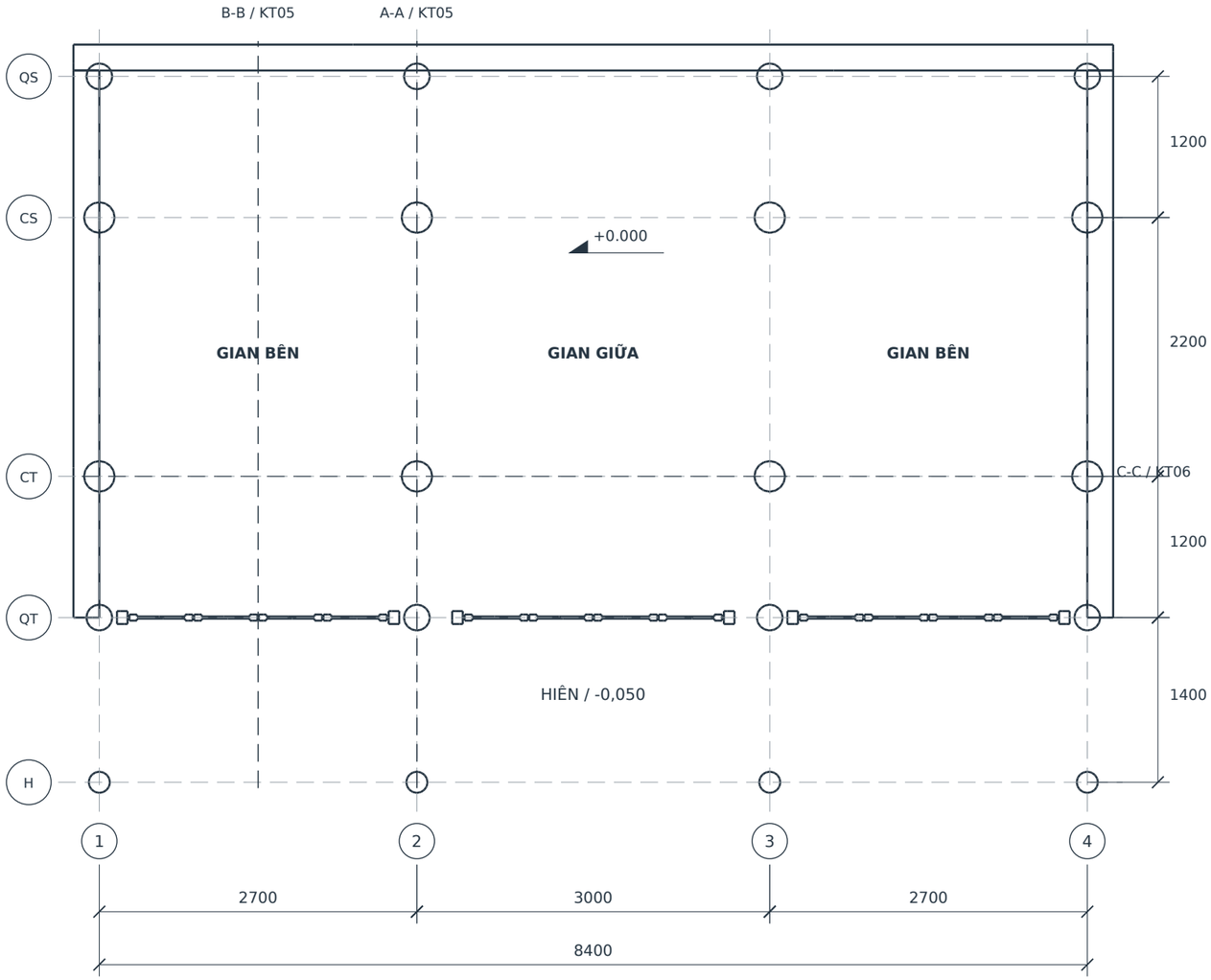
Nhịp gian: 2700 / 3000 / 2700. Hàng cột: 1400 / 1200 / 2200 / 1200. Dốc mái 1:2 (26,565°). Nền nhà ±0,000; hiên -0,050; sân quy ước -0,450. Đỉnh lớp ngói mô phỏng khoảng +5,13.

Thuật ngữ trong phương án

Cột cái: hai hàng giữa. Cột quân: hai hàng bên. Cột hiên: hàng trước. Câu đầu: thanh nối đỉnh cột cái trong vì. Rường: thanh chồng phía trên. Hoành: dọc nhà; rui: theo dốc mái. Tên gọi không đại diện mọi địa phương.

Căn cứ: S01 Fig.1-2; S02 Fig.2, Table 4 | Các kích thước là thiết lập cho mô hình, không phải số đo hiện trạng.

MẶT BẰNG KIẾN TRÚC / CẮT TẠI +1,000



Không gian

Ba gian thông nhau; chưa bố trí buồng chái hoặc nội thất cố định. Gian giữa là điểm tổ chức tham khảo, không gán nghi lễ cho một chủ nhà thật.

Bao che

Tường hậu và hồi dày 220 mm, cửa tại hàng quân trước. Vị trí, chiều dày và lỗ mở là thông số biên soạn; không phải khảo sát.

Đọc mặt cắt

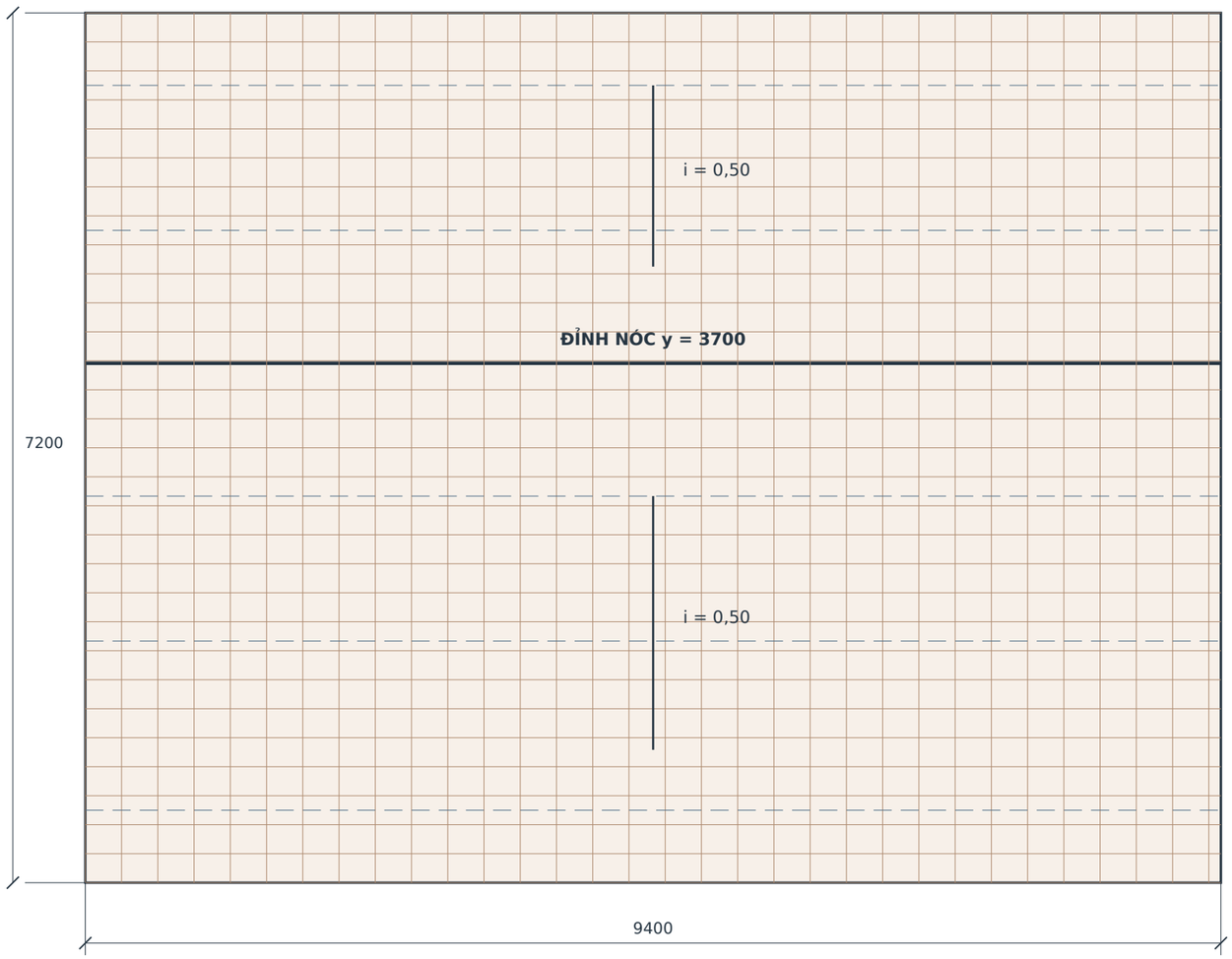
A-A qua bộ vì trục 2. B-B giữa gian bên. C-C dọc hàng cột cái trước CT. Nét đậm là cấu kiện cắt tại +1,000.

THƯỚC TỶ LỆ / IN 100%

0 — 2000 mm

Căn cứ: S01 Fig.1 p.268; thông số thiết lập | Các kích thước là thiết lập cho mô hình, không phải số đo hiện trạng.

MẶT BẰNG MÁI / PHẠM VI LỢP



Mái hai dốc

Hai phía có cùng độ dốc nhưng chiều dài khác nhau vì hiên phía trước. Mái không có đầu đao hoặc trang trí đình chùa.

Ngói mô phỏng

Hàng ngói là hình học quy ước, không phải sản phẩm thương mại. Không dùng đếm số miếng trong mô hình để đặt hàng.

Liên kết

Phân lớp tại CT03. Mặt đứng KT03-04. Các phần đua mái và gối đỡ còn cần kiểm tra với cấu tạo thực tế.

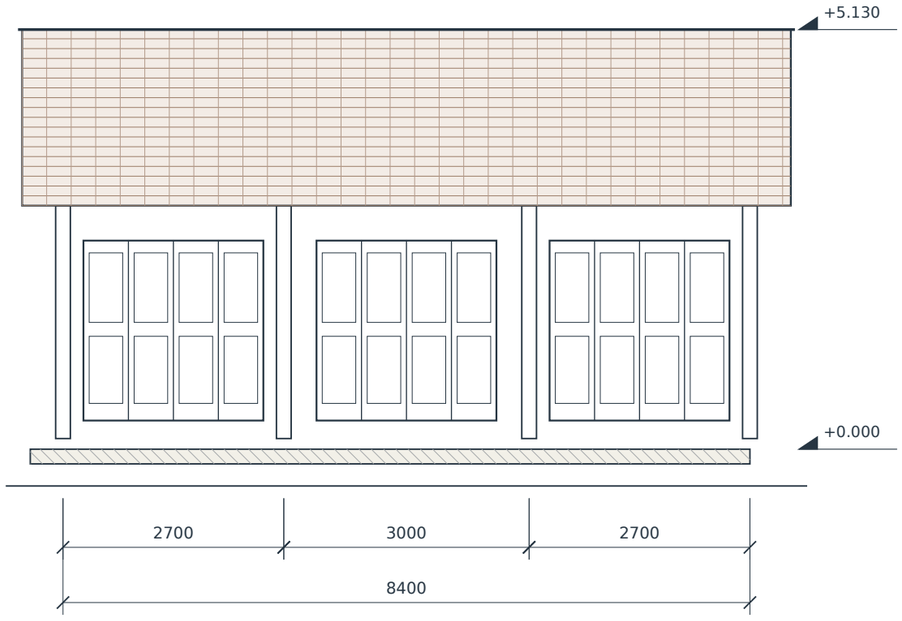
THƯỚC TỶ LỆ / IN 100%

0 2000 mm

Căn cứ: S01 Fig.1 p.268; hình mái và dốc thiết lập | Các kích thước là thiết lập cho mô hình, không phải số đo hiện trạng.

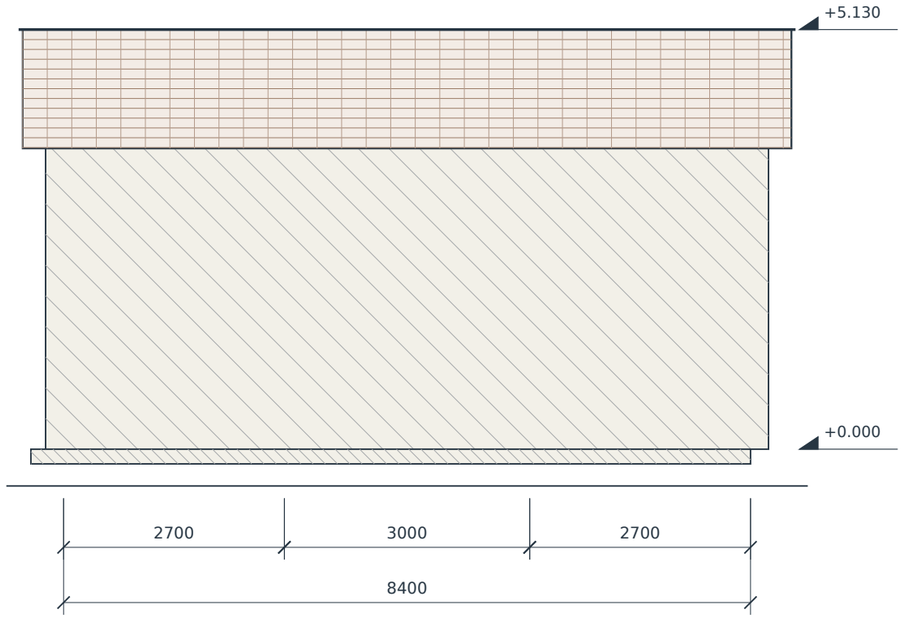
MẶT ĐỨNG CHÍNH VÀ HẬU

MẶT ĐỨNG CHÍNH



Ba bộ cửa bốn cánh; cột hiên tròn.

MẶT ĐỨNG HẬU



Tường hậu; chưa bố trí lỗ mở.

Giới hạn biểu diễn

Màu hatch phân biệt lớp lợp, gỗ và xây, không mô tả vật liệu đã đo. Không có chạm khắc, chữ Hán/Nôm hoặc dấu tích lịch sử được tạo thêm.

Cao độ

Cao độ lấy từ cùng mô hình. Đỉnh mái +5,13 là cao độ quy ước của lớp ngói; mặt hiên -0,05; nền trong nhà ±0,00.

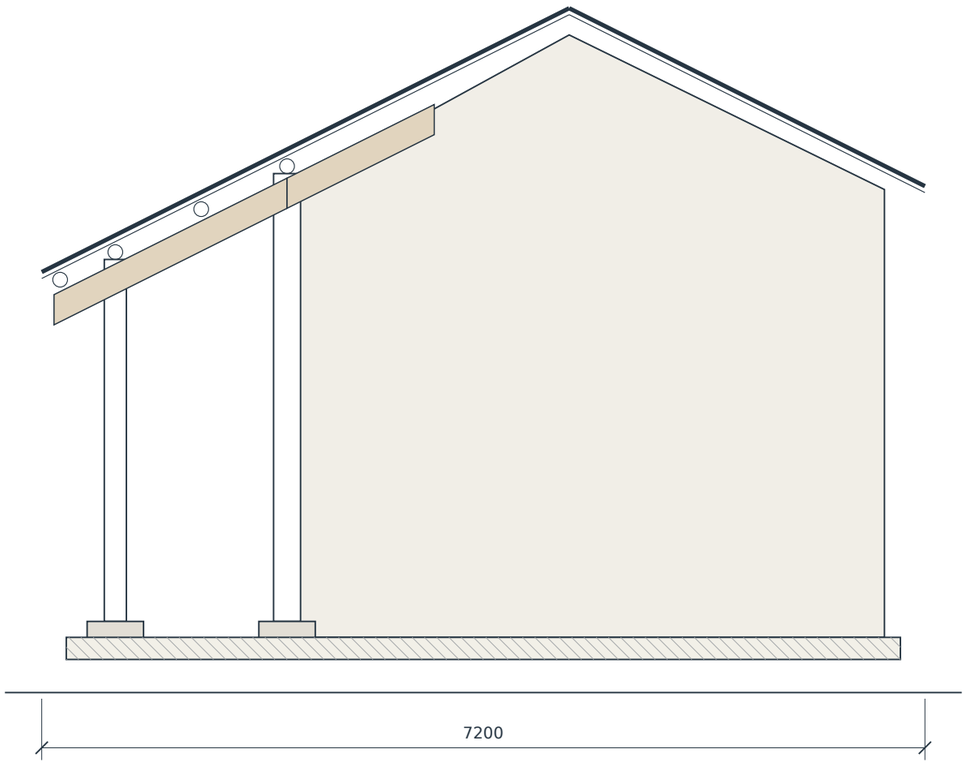
THƯỚC TỶ LỆ / IN 100%



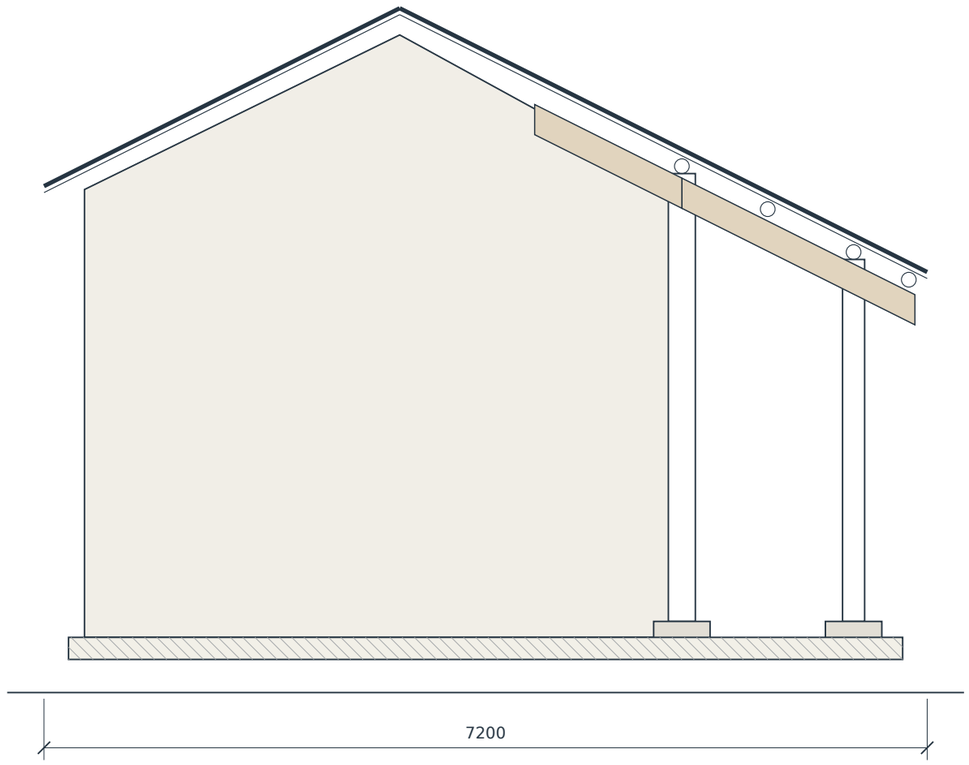
Căn cứ: S01 tổ chức hiên/bao che; hình thức và cửa thiết lập | Các kích thước là thiết lập cho mô hình, không phải số đo hiện trạng.

MẶT ĐỨNG HỒI TRÁI VÀ PHẢI

MẶT ĐỨNG HỒI TRÁI



MẶT ĐỨNG HỒI PHẢI



Tường hồi

Tường gạch quy ước, chưa chốt loại gạch/vữa. Không mô hình móng; mép nền không phải phương án nền móng thi công.

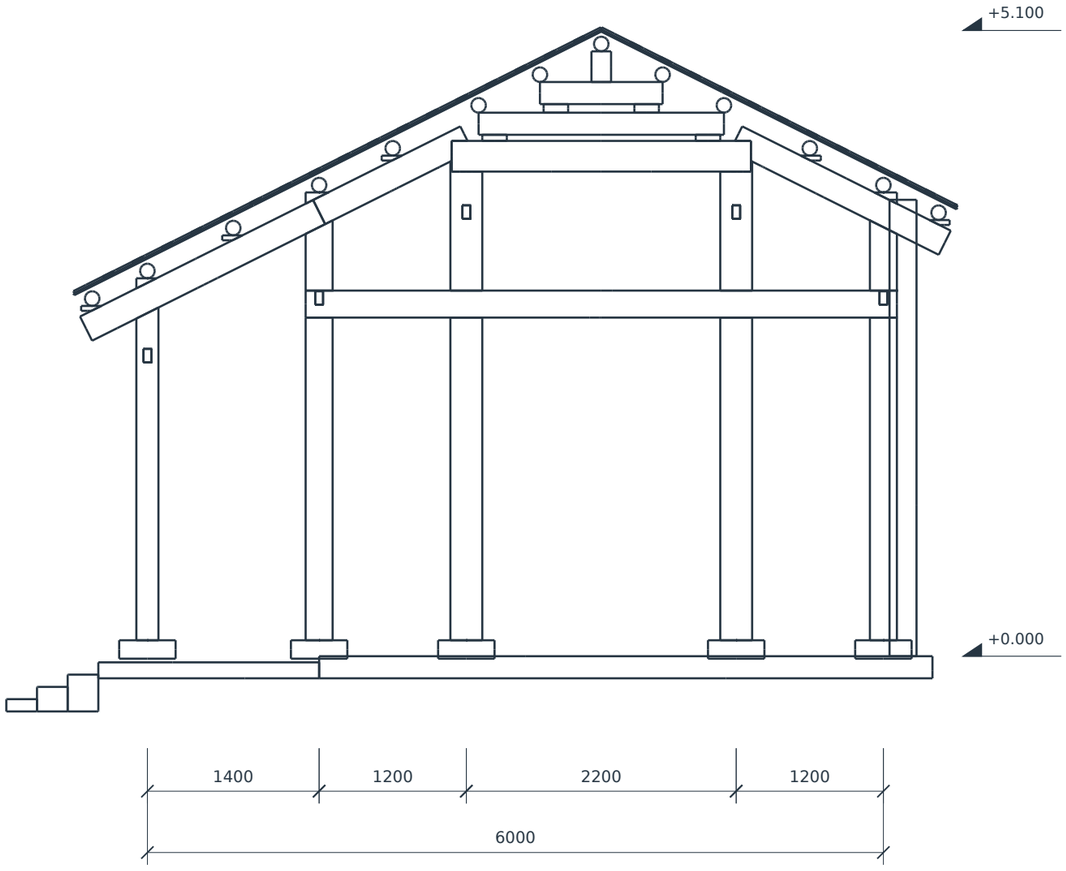
Phần hiên

Cột hiên, kẻ hiên và phần đua mái thể hiện theo cùng hệ trục. Bậc và chân tảng xem CT02.

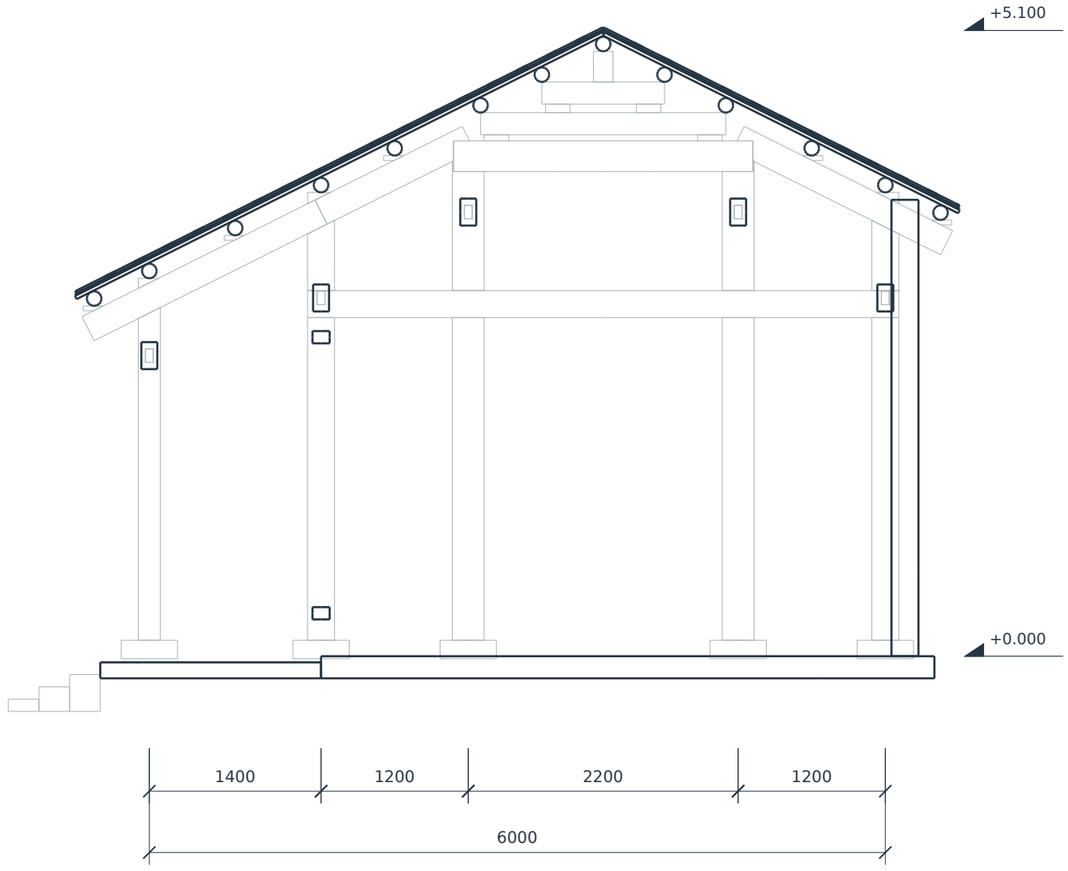
Căn cứ: S01; bao che và tỷ lệ phương án thiết lập | Các kích thước là thiết lập cho mô hình, không phải số đo hiện trạng.

MẶT CẮT NGANG A-A VÀ B-B

A-A / QUA BỘ VÌ TRỤC 2



B-B / GIỮA GIAN BÊN

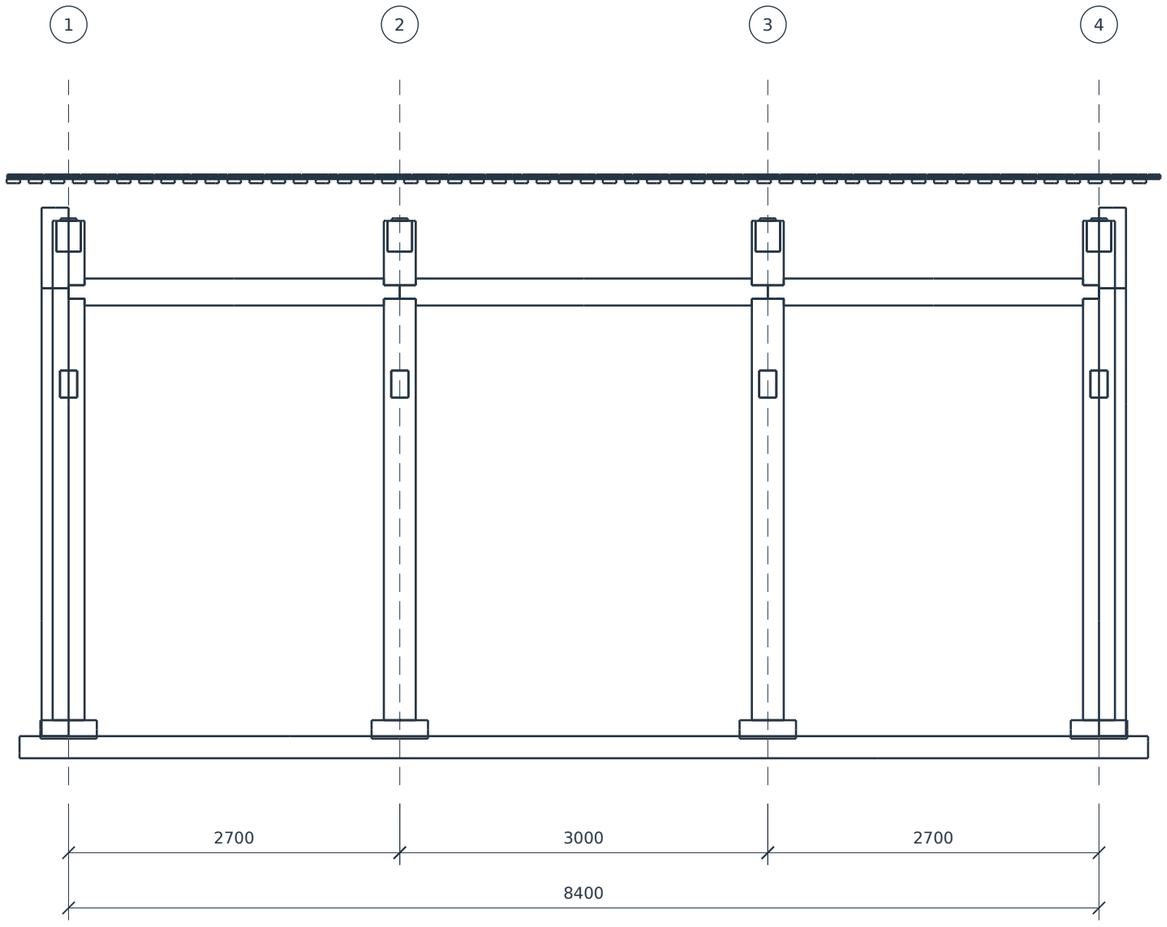


Nét cắt

Nét đậm lấy từ giao tuyến thật của mặt phẳng cắt và mô hình. B-B dùng bộ vì xa bằng nét mảnh để giải thích không gian; không phải cấu kiện nằm trong mặt cắt.

Căn cứ: S01 Fig.1-2; cấu kiện cụ thể thiết lập | Các kích thước là thiết lập cho mô hình, không phải số đo hiện trạng.

MẶT CẮT DỌC C-C / HÀNG CỘT CÁI TRƯỚC



Mặt phẳng C-C

Đi qua hàng CT tại y = 2600 mm. Đọc được cao độ cột, xà dọc và cấu kiện mái bị cắt. Không phải mặt cắt qua đỉnh nóc.

Giao tuyến

Hình cắt lấy từ hình học 3D; các đường tại nút giao không thay thế bản vẽ gia công từng mộng. CT01 thể hiện riêng một nút tham khảo.

Kiểm tra

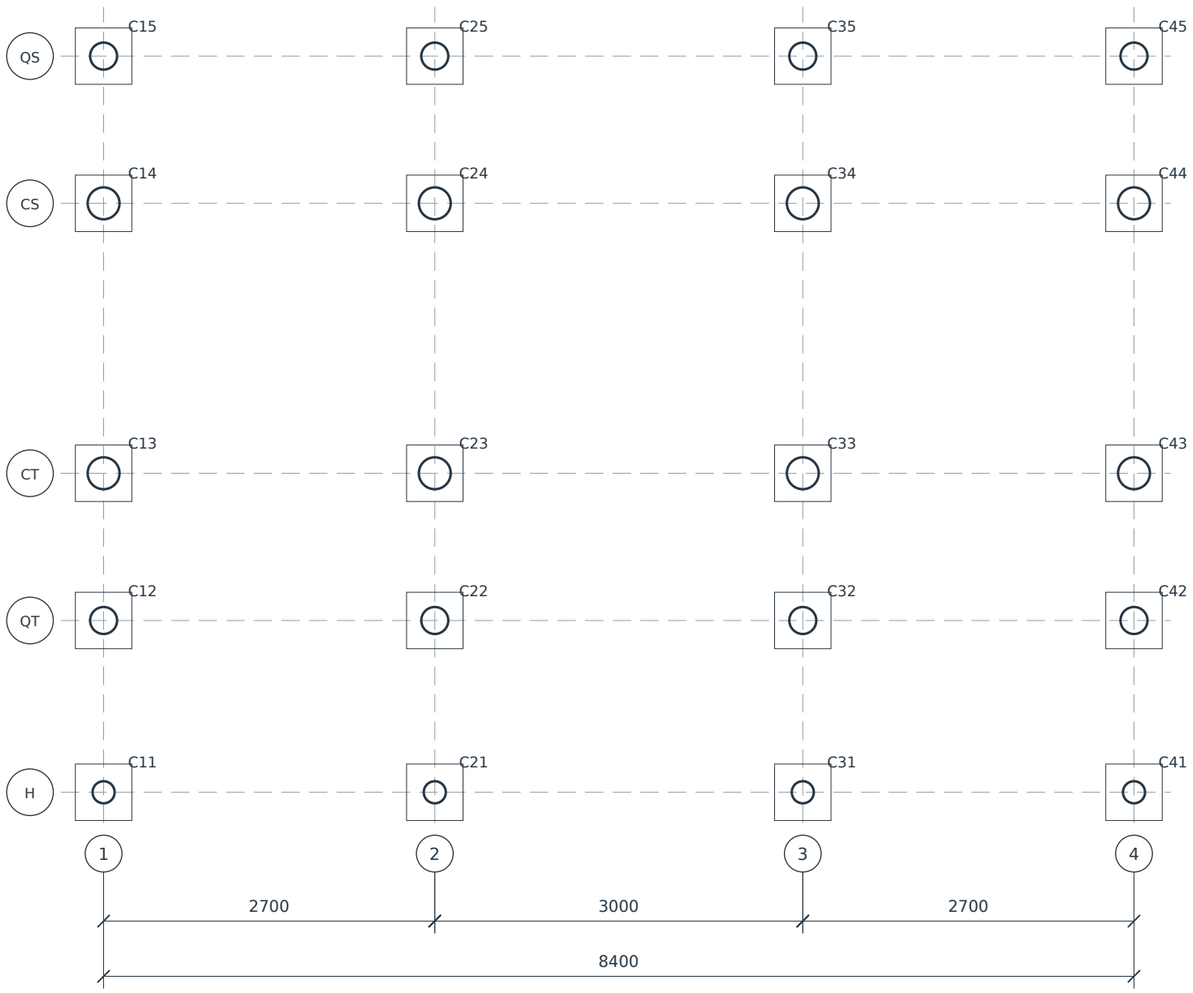
Ba đoạn nhịp cộng đúng 8400 mm. Chiều cao của từng cột và mã cấu kiện có trong components.json.

THƯỚC TỶ LỆ / IN 100%

0 2000 mm

Căn cứ: Mặt cắt sinh từ mô hình; S01 về hệ khung | Các kích thước là thiết lập cho mô hình, không phải số đo hiện trạng.

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỘT / BỐN BỘ VÌ



20 cột / 4 bộ vì

Mã đầy đủ bắt đầu bằng V2-. Chữ Cij: i là trục dọc 1-4; j là hàng H/QT/CT/CS/QS. Ví dụ V2-C23 là cột cái trước của bộ vì trục 2.

H: cột hiên: Ø180, đỉnh +3.08

QT: quân trước: Ø220, đỉnh +3.78

CT: cái trước: Ø260, đỉnh +4.20

CS: cái sau: Ø260, đỉnh +4.20

QS: quân sau: Ø220, đỉnh +3.78

Tiết diện

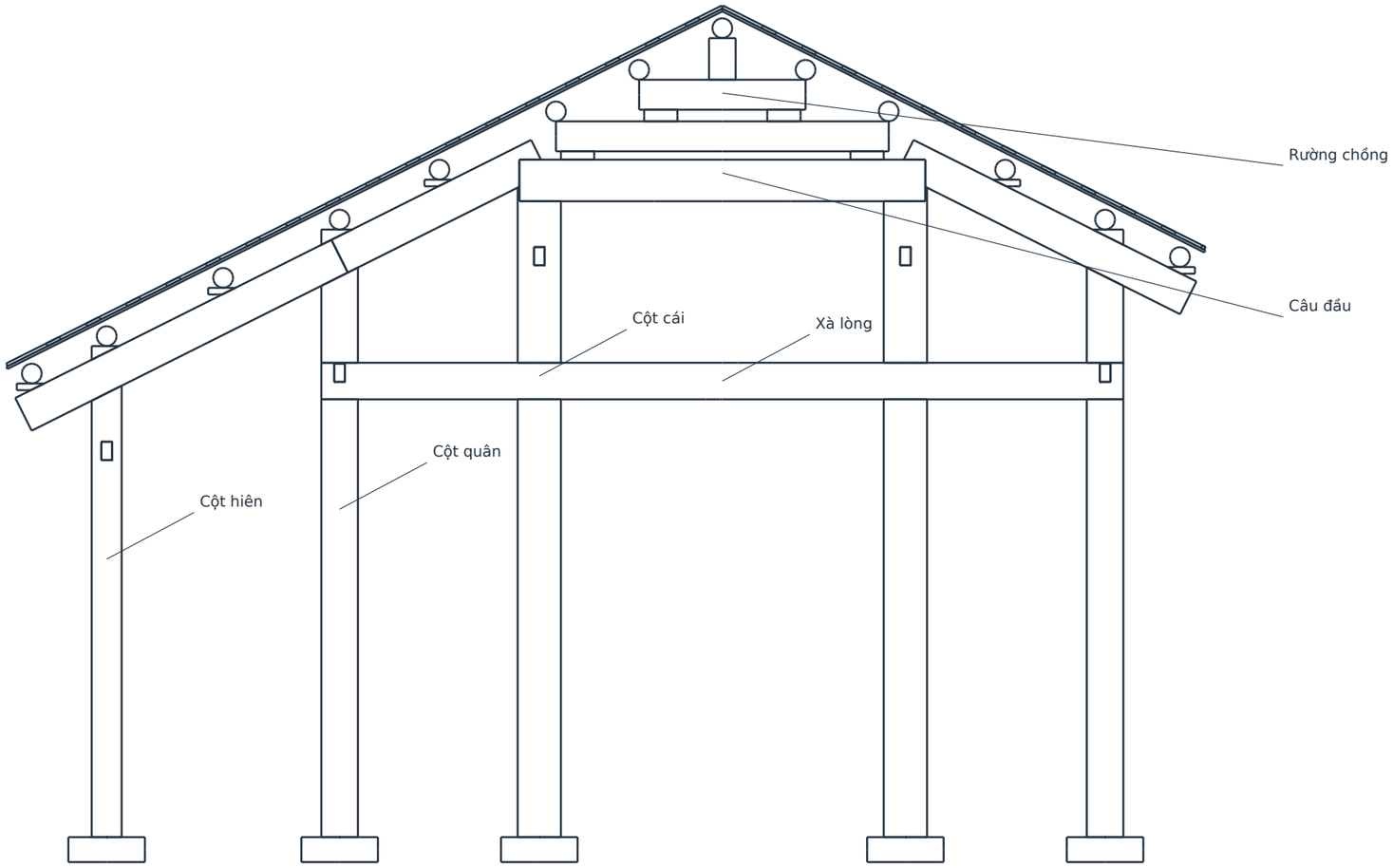
Đường kính là lựa chọn mô phỏng, chưa kiểm tra cường độ, ổn định, độ ẩm, khuyết tật hoặc cấp gỗ. Không dùng cho đặt hàng.

THƯỚC TỶ LỆ / IN 100%

0 — 2000 mm

Căn cứ: S01 Fig.1; mã và thông số thiết lập | Các kích thước là thiết lập cho mô hình, không phải số đo hiện trạng.

BỘ VÌ THAM KHẢO / KHUNG LOẠI II



Nguyên tắc khung

Giữ hai cột cái, xà lòng liên kết tới hàng quân. Bốn vì trong mô hình cùng nguyên tắc; chưa tạo biến thể vì hồi riêng.

Phần diễn giải

Phía trên câu đầu dùng hai tầng rường và các con kê. Kẻ được thẳng hóa, ván dong giản lược thành đệm. Đây là quyết định mô phỏng, không nhận là sao chép nguyên trạng.

Truyền lực - nguyên lý

Lớp lợp → rui → hoành → bộ vì → cột → chân tảng. Sơ đồ chỉ diễn giải đường truyền lực; chưa có phân tích tải trọng hoặc thiết kế liên kết.

THƯỚC TỶ LỆ / IN 100%

0 2000 mm

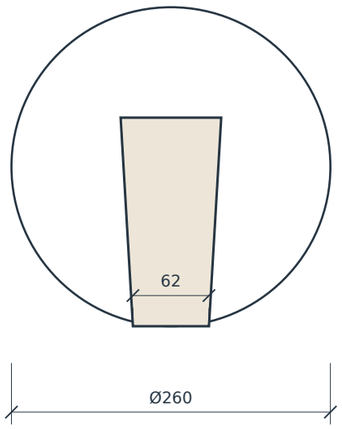
Căn cứ: S01 Fig.2 p.269; lựa chọn rường và tiết diện thiết lập | Các kích thước là thiết lập cho mô hình, không phải số đo hiện trạng.

HERITAGE LABS

CT01

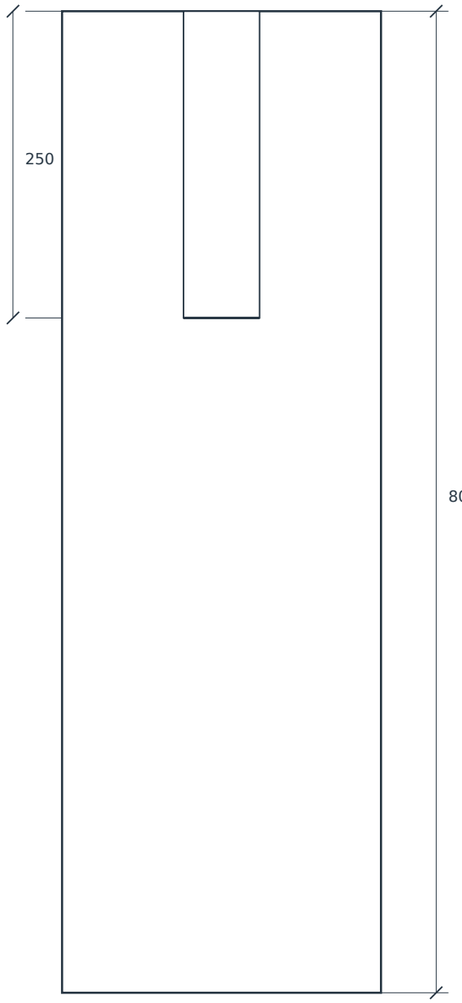
NÚT J01 / MỘNG THẢ CÓ PHẦN KHÓA DẠNG ĐUÔI ÉN

J01-1 / MẶT BẰNG MỘNG



Lỗ hở đỉnh; đáy z = 550, đỉnh cột z = 800.

J01-2 / MẶT CẮT



Cơ chế hình học

Mộng có tiết diện mở rộng từ 62 lên 82 mm trong mặt bằng. Thanh được thả từ trên; không thể coi đây là mộng xuyên ngang có chốt.

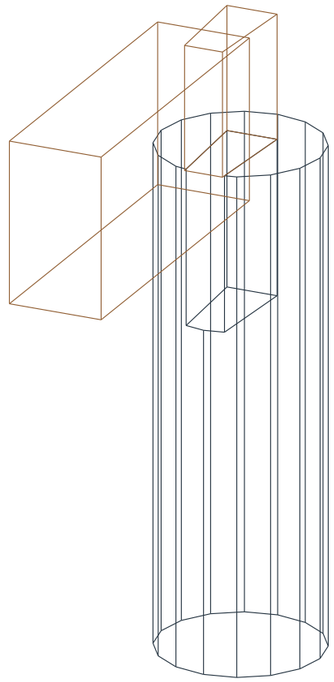
Giới hạn

Kích thước được thiết lập mới, không lấy từ một nút khảo sát. J01 là cụm chi tiết riêng; mô hình tổng dùng liên kết giản lược và không đồng nhất mọi nút với J01.

THƯỚC TỶ LỆ / IN 100%

0 — 200 mm

J01-3 / THÁO RỜI

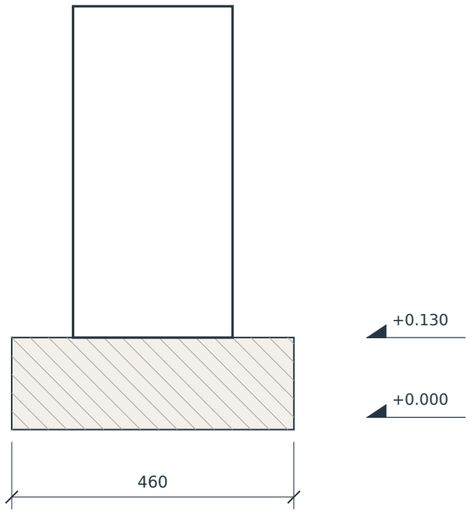


Hạ thanh 250 mm theo Z để lắp.

J01 có lỗ rỗng và mộng thật trong mô hình riêng. Kiểm tra hình học không chứng minh sức chịu lực hoặc khả năng gia công.

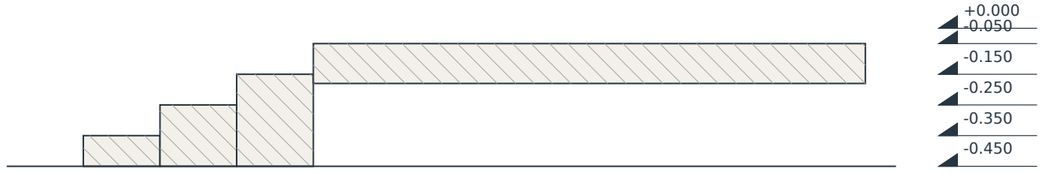
CHÂN TẢNG / HIÊN / BẬC / NỀN

CT02-1 / CHÂN CỘT CÁI / 1:10



Không vẽ móng ngầm khi chưa có địa chất.

CT02-2 / BẬC VÀ NỀN HIÊN / 1:20



Lớp nền - nguyên lý

Gạch lát / lớp đệm / lớp nền được ghi theo nguyên lý, chưa chốt vật liệu và chiều dày thiết kế. Chân tảng không được hiểu là giải pháp móng hoàn chỉnh.

Bậc hiên

Bốn chênh cao 100 mm từ sân -0,450 tới hiên -0,050; ba mặt bậc rộng 250 mm. Các số này thuộc phương án mô phỏng, chưa là thiết kế tiếp cận cho công trình thật.

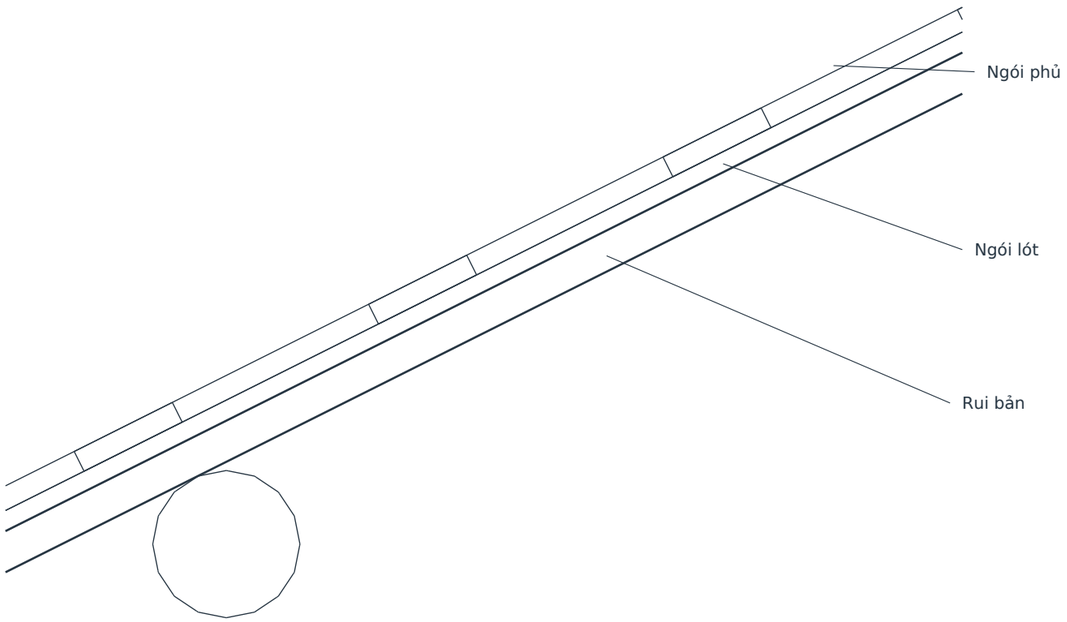
THƯỚC TỶ LỆ / IN 100%

0 — 500 mm

Căn cứ: S01 về chân tảng; kích thước và lớp nền thiết lập | Các kích thước là thiết lập cho mô hình, không phải số đo hiện trạng.

PHÂN LỚP MÁI / HOÀNH - RUI BẢN - NGÓI

CT03-1 / MẶT CẮT LỚP MÁI



Hoành Ø120

Rui bản: 110 x 30 mm; bước theo X: 180 mm (thiết lập).

Chi tiết hình học tham khảo; chưa có cấu tạo cố định ngói và xử lý nóc.

THƯỚC TỶ LỆ / IN 100%

0 200 mm

Thứ tự lớp

Hoành tròn, rui bản, lớp ngói lót và ngói phủ quy ước. Không tự thêm mè vì đang dùng phương án rui bản theo nguồn.

Mô hình và bản vẽ

Các miếng ngói dùng để thể hiện hàng lợp, không mô tả móc ngói, vữa chèn hoặc sản phẩm thương mại. Lớp lót được mô phỏng liên tục để dễ đọc.

Điều phải kiểm tra tiếp

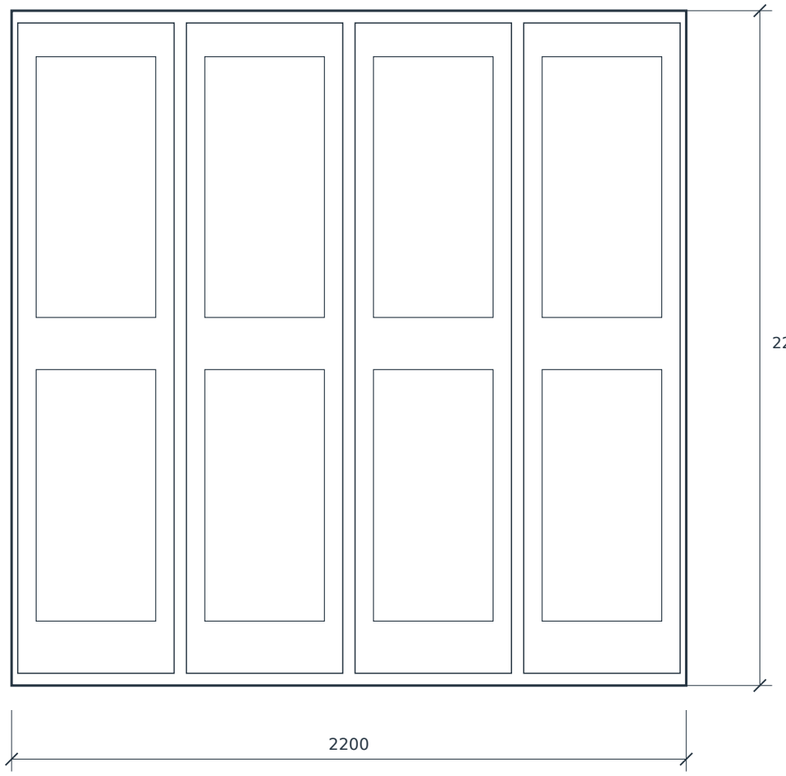
Vật liệu và cách cố định ngói; chi tiết nóc, diềm, chống trượt và thoát nước; kích thước hoành/rui theo tải trọng và nhịp thực tế.

Căn cứ: S01 Fig.1 p.268; kích thước và lớp lợp quy ước | Các kích thước là thiết lập cho mô hình, không phải số đo hiện trạng.

CỬA BỨC BÀN / MẶT ĐỨNG VÀ MẶT CẮT

D01 / 4 CÁNH / 3 BỘ

Cao độ ngưỡng +0,350; đỉnh cửa +2,550.



CẮT NGANG MỘT CÁNH / 1:5



Cánh rộng 538; khung dày 52; pano còn 18 mm.

Phần giản lược

Mô hình tổng đã tạo lõm pano hai mặt, thống nhất với mặt đứng. Pano còn là khối giản lược, chưa tách cấu tạo khung và ván ghép. Chưa thiết kế trục quay, chốt, phụ kiện và dung sai lắp.

Vật liệu biểu diễn

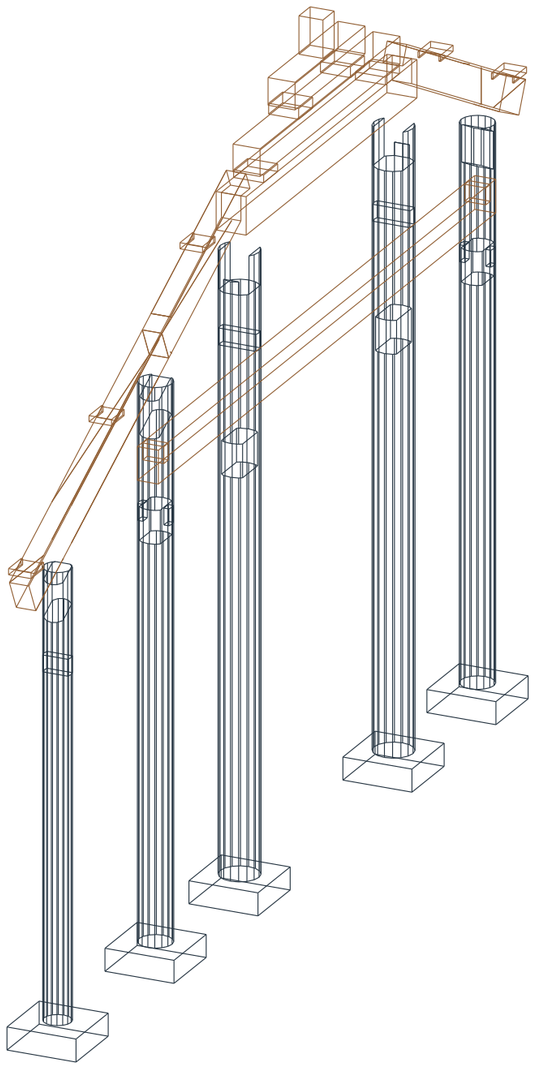
Gỗ: màu nâu, chưa chọn loài/cấp. Xây: hatch chéo, chưa chốt gạch/vữa. Đá chân tảng: khối đặc quy ước. Ngói: lớp hình học tham khảo.

THƯỚC TỶ LỆ / IN 100%



Căn cứ: S01 p.268 về cửa/ngưỡng; kích thước và cánh thiết lập | Các kích thước là thiết lập cho mô hình, không phải số đo hiện trạng.

BỘ VÌ / TRỤC ĐO THÁO RỜI



Đọc thứ tự

Chân tảng và cột giữ vị trí. Nhóm xà/kẻ/rường được nâng 400 mm chỉ để đọc cấu tạo. Đây không phải trình tự thi công được phê duyệt.

Tra mã

Chọn cấu kiện trong trình xem để đọc mã, nguồn, lớp và phần giản lược. Dùng KC01 định vị và KC02 đọc mặt cắt bộ vì.

Giới hạn liên kết

Mô hình tổng cắt lỗ và giao khuyết để tránh khối xuyên đặc. Các nút ngoài cụm J01 chưa mô tả đủ mộng thủ công; cần thợ cả và kỹ sư thẩm tra trước ứng dụng.

Căn cứ: Hình chiếu từ cùng mô hình; S01 nguyên lý | Các kích thước là thiết lập cho mô hình, không phải số đo hiện trạng.

THỐNG KÊ / KIỂM TRA / NGUỒN

Nền nhà - cấu tạo lớp xem CT02	1
Nền hiên	1
Bậc hiên	3
Chân tảng tham khảo	20
Cột hiên	4
Cột quân trước	4
Cột cái trước	4
Cột cái sau	4
Cột quân sau	4
Xà dọc - mộng vai giản lược	15
Xà lòng - khung loại II	4
Câu đầu	4
Kẻ hiên	4
Kẻ mái bên	8
Rường tầng 1	4
Con kê rường	16
Rường tầng 2	4
Đỡ nóc	4
Hoành	12
Ván dong / đệm hoành quy ước	20
Thượng lương	1
Rui bản	104
Ngói - miếng biểu diễn	992
Lớp ngói lót quy ước	2
Tường hậu	1
Tường hồi	2
Tường hồi phần tam giác	2
Khuôn đứng cửa	6
Ngưỡng / khuôn ngang	6
Cánh cửa bức bàn mô phỏng	12

Bảng đầy đủ

components.json ghi toàn bộ mã, lớp, kích thước bao, nguồn và giới hạn. Số lượng ngói là số miếng biểu diễn, không phải khối lượng mua vật tư.

Kiểm tra được thực hiện

Đối chiếu hệ trục, tổng nhịp, cao độ, mã và tệp; giao tuyến sinh từ cùng mô hình. Chi tiết J01 kiểm tra lỗ rỗng, lắp khít danh nghĩa và hướng lắp.

Chưa được kiểm chứng

Loại hình từng nút, dung sai gia công, chọn gỗ, tải trọng, liên kết chịu lực, đất và móng. Không có chữ ký thẩm tra hoặc chứng nhận an toàn.

NGUỒN / ĐỌC NGÀY 28.09.2026

S01: Tran & Yamada (2001), DOI 10.3130/aija.66.267_4, Fig.1-2. S02: Yamada et al. (2005), DOI 10.3130/aijt.11.355_1, Fig.2 và Table 4. S03: London Charter, Principle 4. URL và phạm vi đọc trong sources.json.

Các nguồn hỗ trợ nghiên cứu, không chứng nhận hoặc bảo trợ Heritage Labs. Chưa có thẩm tra chuyên gia độc lập.